CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 148/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 01.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (tại trạm)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 01/07/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 01/07-09/07/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Một Ngàn
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,02
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,36
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	8,79
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,03

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 149/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 02.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Lê Thị Sáu, Ấp 1A, Xã Tân Hòa)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Một Ngàn

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,81
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,42
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	5,55
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	0,0126	KPH

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	M.S.D.N: 6300356590 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG - P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ
Lê Quang Lộc	**Lê Thanh Đấu**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 150/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 03.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Trần Ngọc Thuận, Ấp 3A, Xã Tân Hòa)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Một Ngàn

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,90
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,37
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	2,32
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	0,0126	KPH

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 151/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 04.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại nhà máy)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Vị Thanh

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,23
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,23
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	5,55
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	0,0126	KPH

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**KT. GIÁM ĐỐC**
VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 152/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 05.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Lương Thị Cẩm, 492 Sông lò, Xã Vị Thủy)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Vị Thanh

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,31
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,11
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	5,55
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,03

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

P. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300... CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 153/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 06.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Nguyễn Ngọc Điều, KDCVL Vị Đông)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Vị Thanh

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,32
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,09
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	5,55
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,02

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 154/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 07.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại trạm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Lương Tâm

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,40
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,39
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,62

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**P. GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 155/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 08.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Ngô Thanh Kha, Ấp 3, Xã Lương Tâm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Lương Tâm

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,41
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,74
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,50

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 156/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 09.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Nguyễn Văn Toàn, Ấp 6, Xã Lương Tâm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Lương Tâm

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,86
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,68
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,61

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**P. GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 157/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 10.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Vòi sử dụng tại Nhà máy)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 02/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 02/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Long Mỹ

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,06
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,29
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	5,55
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,08

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 158/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 11.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (270 CMT8)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 02/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 02/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Long Mỹ

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,24
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,43
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	7,17
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,07

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 09 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**KT. GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 159/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 12.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại Trạm)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 06/07/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 06/07-09/07/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Đông Phú
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,58
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,10
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,79

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 160/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 13.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Nguyễn Văn Tư, Ấp Phú Nhơn)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 06/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 06/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Đông Phú

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,43
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,45
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,41

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 161/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 14.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Ấp Phú Nhơn, Xã Châu Thành)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 06/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 06/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Đông Phú

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,45
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,28
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,46

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**KT. GIÁM ĐỐC**
VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 162/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 15.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại trạm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 06/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 06/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Ngã Sáu

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,22
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,18
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,93
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,03

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 163/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 16.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Nguyễn Thị Vàng, Ấp Phú Thuận)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 06/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 06/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Ngã Sáu

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[1]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,28
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,23
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,93
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,03

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

[1]: theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 164/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 17.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Nguyễn Văn Khải, Ấp Đông Mỹ, Xã Châu Thành)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 06/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 06/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Ngã Sáu

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,22
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,27
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,93
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,03

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 09 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 165/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 18.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại trạm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Tân Phước Hưng

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,88
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,24
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,93
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,05

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 09 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**P. GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 166/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 19.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Cao Văn Bổ, Tân Phú)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Tân Phước Hưng

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,95
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,35
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	2,32
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,04

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 23 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 167/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 20.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại trạm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cây Dương

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,38
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,33
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	0,0126	KPH

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**P. GIÁM ĐỐC**
VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 168/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 21.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Nguyễn Văn Điều, Ấp Mỹ Quới)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cây Dương

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,27
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,07
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	2,32
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,06

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 169/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 22.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Nguyễn Văn Sáu, Ấp Mỹ Lợi)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cây Dương

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,38
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,15
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,04

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 170/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 23.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại nhà máy)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Ngã Bảy

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,34
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,39
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,93
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	0,0126	KPH

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 171/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 24.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (602 Kv Mái Dầm, Phường Đại Thành)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Ngã Bảy

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,26
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,33
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	2,32
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	0,0126	KPH

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 172/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 25.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (88, Khu vực 3, Phường Ngã Bảy)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Ngã Bảy

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,22
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,33
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,93
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	0,0126	KPH

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 173/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 26.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại Trạm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm Cấp nước Tân Bình

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,24
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,05
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	2,32
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,06

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

KT. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300355598 - C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 174/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 27.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Nguyễn Văn Dĩ, Ấp Tám Ngàn)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm Cấp nước Tân Bình

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,55
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,96
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,04

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	M.S.D.N: 6300...90 - C.T.N.H.H. CÔNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 175/PTN/0726	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 28.07.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Trương Kim Lợi, Ấp 6)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/07-09/07/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm Cấp nước Tân Bình

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,49
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,83
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,05

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**P. GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01814.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC MỘT NGÀN
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Nhơn Thuận A, xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	1,0	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01822.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC MỘT NGÀN
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Nhơn Thuận A, xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Lê Thị Sáu, ấp 1A, xã Tân Hòa)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,6	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01823.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC MỘT NGÀN
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Nhơn Thuận A, xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Trần Ngọc Thuận, ấp 3A, Xã Tân Hòa)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01819.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC VỊ THANH
2. Địa chỉ/ *Address* : 46A Ngô Quốc Trị, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại nhà máy)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	1,0	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,60	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01820.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC VỊ THANH
2. Địa chỉ/ *Address* : 46A Ngô Quốc Trị, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (LƯƠNG THỊ CẨM, 492 Sông Lò, xã Vị Thủy)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,6	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,76	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01821.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC VỊ THANH
2. Địa chỉ/ *Address* : 46A Ngô Quốc Trị, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Nguyễn Ngọc Điều, KDCVL Vị Đông)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh Mỹ

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01824.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC LƯƠNG TÂM
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp 3, xã Lương Tâm, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (TẠI TRẠM)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,83	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,48	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01825.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC LƯƠNG TÂM
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp 3, xã Lương Tâm, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (hộ Ngô Thanh Kha, ấp 3 xã Lương Tâm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01826.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC LƯƠNG TÂM
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp 3, xã Lương Tâm, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (hộ Nguyễn Văn Toàn, ấp 6 xã Lương Tâm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,48	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thiềm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01828.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC LONG MỸ
2. Địa chỉ/ *Address* : 33 KV 2, phường Long Mỹ, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 02/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 12/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,98	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,92	TCVN 6186:1996	2

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01873.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC ĐÔNG PHÚ
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH tại trạm**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 06/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,50	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,32	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh Mỹ

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01872.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC ĐÔNG PHÚ
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Nguyễn Văn Tư)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 06/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,85	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,16	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01874.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC ĐÔNG PHÚ
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 06/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100 mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100 mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,48	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01856.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC NGÃ SÁU
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Thuận Hưng, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (TẠI TRẠM)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 06/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,75	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,80	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01857.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC NGÃ SÁU
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Thuận Hưng, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Nguyễn Thị Vàng, ấp Phú Thuận, xã Châu Thành)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 06/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01858.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC NGÃ SÁU
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Thuận Hưng, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Nguyễn Văn Khải, ấp Đông Mỹ, xã Châu Thành)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 06/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01898.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC TÂN PHƯỚC HƯNG
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Tân Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,86	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01899.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC TÂN PHƯỚC HƯNG
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Tân Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Cao Văn Bổ, Tân Phú)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số* (*)	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli* (*)	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

CDC CẦN THƠ

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01900.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC CÂY DƯƠNG
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Mỹ Quới, xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,65	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
☎ 02923 822351; ✉ *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01901.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC CÂY DƯƠNG
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Mỹ Quới, xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Nguyễn Văn Điều, ấp Mỹ Quới)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01902.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC CÂY DƯƠNG
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Mỹ Quới, xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Nguyễn Văn Sáu, ấp Mỹ Lợi)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01906.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC NGÃ BẢY
2. Địa chỉ/ *Address* : 72 Nguyễn Minh Quang, kv6, p. Ngã Bảy, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại nhà máy)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	1,0	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01907.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC NGÃ BẢY
2. Địa chỉ/ *Address* : 72 Nguyễn Minh Quang, kv6, p. Ngã Bảy, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (602 kv Mái Dầm, p. Đại Thành)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,6	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01908.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC NGÃ BẢY
2. Địa chỉ/ *Address* : 72 Nguyễn Minh Quang, kv6, p. Ngã Bảy, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (88 kv3, p. Ngã Bảy)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,7	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
☎ 02923 822351; ✉ *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01912.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC TÂN BÌNH
2. Địa chỉ/ *Address* : Cầu Xáng, ấp Tân Long, xã Tân Bình, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,74	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

CKIXN. Lương Hồng Hạnh

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
☎ 02923 822351; ✉ *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01913.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC TÂN BÌNH
2. Địa chỉ/ *Address* : Cầu Xáng, ấp Tân Long, xã Tân Bình, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Nguyễn Văn Dĩ, ấp Tám Ngàn))**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

CKIXN. Lương Hồng Hạnh

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; alcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01914.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC TÂN BÌNH
2. Địa chỉ/ *Address* : Cầu Xáng, ấp Tân Long, xã Tân Bình, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Trương Kim Lợi, ấp 6)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/07/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 17/7/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100 mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

CKIXN. Lương Hồng Hạnh

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351: alcl.ttksbttpct@gmail.com